

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CÁI RĂNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **11/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 06/02/2024

V/v tranh chấp: ***Xin ly hôn***

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CÁI RĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Thái Mỹ Nhung**

Các hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Lê Văn Thành**.

2/ Ông **Phạm Văn Vĩ**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Bích Trương**, Thư ký Tòa án nhân dân quận Cái Răng.

Ngày 06 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cái Răng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 303/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2023. Về tranh chấp “***Xin ly hôn***”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2024/QĐXX-ST ngày 24 tháng 01 năm 2024. Giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **TRẦN THỊ NHẬT C**; Sinh năm: 1984; Địa chỉ: Số 01, S N Ấ, phường B T, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn đề ngày 15/12/2023 xin giải quyết vắng mặt (BL 13).

- Bị đơn: Ông **NGUYỄN VĂN T**; Sinh năm: 1981; Địa chỉ: Số 569B, khu vực P T, phường T P, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ. Có đơn đề ngày 20/12/2023 xin giải quyết vắng mặt (BL 15).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn ngày 13/11/2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Trần Thị Nhật C trình bày:

1/ Về hôn nhân: bà và ông Nguyễn Văn T tự nguyện tìm hiểu và kết hôn vào năm 2012. Có đăng ký kết hôn tại UBND phường Tân Phú, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ theo giấy đăng ký kết hôn số 17/2012 ngày 08/3/2012. Chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, về sau thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, cuộc sống không hạnh phúc. Cả hai đã ly thân hơn 04 năm. Do mâu thuẫn đã

trầm trọng, không hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Ông Nguyễn Văn T thừa nhận vợ chồng có kết hôn và chung sống hạnh phúc được những năm đầu, sau đó thì thường xuyên bất đồng quan điểm. Cả hai đã ly thân hơn 4 năm nay. Bản thân ông cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà C.

2/ Về con chung: hai bên đều xác định vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Mạnh T (nam) sinh ngày 30/3/2013, bà C yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Mạnh Thắng và không yêu cầu ông Toàn cấp dưỡng để nuôi con.

Ông Toàn công nhận vợ chồng có 01 con chung như bà C khai. Ông tự nguyện để bà C trực tiếp nuôi Nguyễn Mạnh T và không cấp dưỡng để nuôi con.

3/ Về tài sản chung: cả hai thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Về nợ chung: cả hai thống nhất xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa hôm nay, cả nguyên đơn và bị đơn đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, nên vụ án được đưa ra xét xử công khai vắng mặt các bên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Bà Trần Thị Nhật C và ông Nguyễn Văn T xây dựng quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo qui định của pháp luật. Nên được xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, thuộc phạm vi điều chỉnh của luật hôn nhân gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Nhận thấy cuộc sống chung của hai vợ chồng đã có thời gian hạnh phúc, đã có con chung với nhau. Lẽ ra cả hai phải càng hiểu và quan tâm đến nhau nhiều hơn. Nhưng cả hai lại không dung hòa được mối quan hệ vợ chồng, không thiện chí hàn gắn khi có rạn nứt trong quan hệ vợ chồng.

[3] Quá trình giải quyết Tòa án cũng đã hòa giải động viên hàn gắn, nhưng hai vợ chồng C - T cũng không hàn gắn đoàn tụ được. Cả hai xác định đã ly thân từ nhiều năm nay và thống nhất thuận tình ly hôn. Điều này cũng chứng minh đời sống chung thực tế của hai vợ chồng bà C và ông T đã không còn tồn tại, mục đích hôn nhân của hai người không đạt được. Và hôn nhân phải xuất phát từ sự tự nguyện của cả hai vợ chồng. Nên việc bà Trần Thị Nhật C xin được ly hôn là hoàn toàn phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: cả hai đều xác nhận vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Mạnh T (nam) sinh ngày 30/3/2013. Cả hai đã thống nhất giao cháu Nguyễn Mạnh T cho bà C được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng; cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu. Tuy nhiên ông T vẫn được quyền tới lui thăm con theo qui định của pháp luật.

[5] Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: mặc dù đã được giải thích vấn đề cấp dưỡng là quyền lợi của con chung chứ không phải của người nuôi con nhưng bà C vẫn không yêu cầu. Xét đây là tự nguyện thỏa thuận của đương sự, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên chấp nhận. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung không được đặt ra giải quyết do đương sự không yêu cầu.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: cả hai thống nhất xác định không yêu cầu giải quyết về tài sản; riêng về nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không điều chỉnh. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ được tách ra giải quyết thành vụ kiện khác theo qui định của pháp luật.

[7] Về án phí: Án phí hôn nhân sơ thẩm: nguyên đơn Trần Thị Nhật C phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo qui định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.
- Điều 28, 35, 147, **228**, 235, 264, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.
- Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/- Chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

Cho bà **Trần Thị Nhật C** được ly hôn với ông **Nguyễn Văn T.**

2/- Về con chung:

- Giao cháu **Nguyễn Mạnh T** (nam) sinh ngày 30/3/2013 cho bà Trần Thị Nhật C tiếp tục nuôi dưỡng.
- Không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung cho ông Nguyễn Văn T.
- Dành quyền thăm nom con chung cho ông Nguyễn Văn T theo qui định của pháp luật.

3/- Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không điều chỉnh. Nếu sau này có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

4/ Về nợ chung: Không có nên không điều chỉnh. Nếu sau này có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

5/- Về án phí: Bà Trần Thị Nhật C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003099 ngày 29/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự Q. Cái Răng. Bà C đã nộp xong án phí hôn nhân sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã, phường nơi cư trú thì các đương sự được quyền kháng cáo để xin xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận

- TAND. TP/ Cần Thơ.
- VKSND.Q.Cái Răng.
- Cơ quan Thi hành án.
- Người TGTT.
- Lưu HS – BA

Thái Mỹ Nhung

